

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRUNG TÂM THÔNG TIN CÔNG NGHIỆP VÀ THƯƠNG MẠI

BÀI: Tình hình xuất nhập khẩu khẩu máy móc, thiết bị, phụ tùng của Việt Nam với các thị trường thành viên CPTPP trong 7 tháng đầu năm 2024

THUỘC NHIỆM VỤ

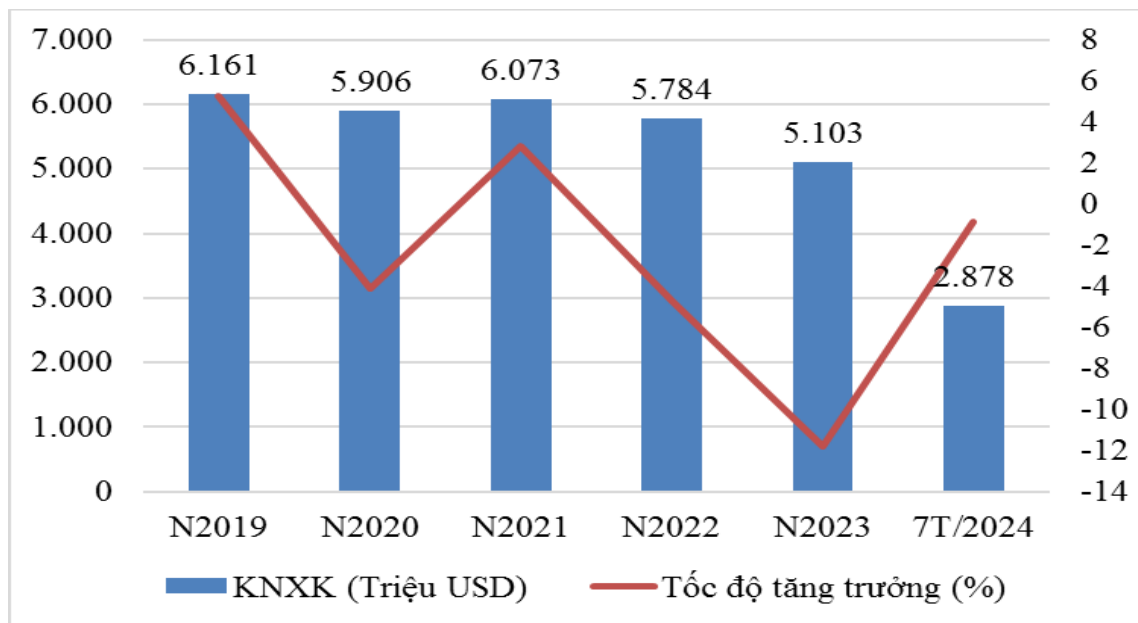
“Thu thập, tổng hợp, phân tích và cung cấp thông tin phục vụ triển khai hiệp định CPTPP năm 2024”

Hà Nội, 2024

Tình hình xuất nhập khẩu khẩu máy móc, thiết bị, phụ tùng của Việt Nam với các thị trường thành viên CPTPP trong 7 tháng đầu năm 2024

Theo số liệu của Tổng cục Hải quan, trong tháng 7/2024, kim ngạch nhập khẩu máy móc thiết bị, dụng cụ, phụ tùng vào Việt Nam đạt 4,44 tỷ USD, tăng 15,6% so với tháng 6/2024 và tăng 24,2% so với tháng 7/2023; chiếm tỷ trọng 13,3% tổng kim ngạch nhập khẩu hàng hóa của cả nước. Tính chung 7 tháng đầu năm 2024, tổng kim ngạch nhập khẩu máy móc thiết bị của cả nước đạt 26,85 tỷ USD, tăng 16,54% so với cùng kỳ năm 2023; chiếm tỷ trọng 12,6% tổng kim ngạch nhập khẩu hàng hóa của cả nước.

Biểu đồ 1: Kim ngạch nhập khẩu máy móc, thiết bị, dụng cụ phụ tùng khác của Việt Nam từ thị trường CPTPP giai đoạn 2019-2024 (ĐVT: triệu USD)



Nguồn: Tính toán từ số liệu của TCHQ

Trong đó, kim ngạch nhập khẩu máy móc thiết bị phụ tùng từ thị trường CPTPP trong tháng 7/2024 đạt 436,37 triệu USD, tăng 13,41% so với tháng trước và giảm 0,46% so với tháng 7/2023. Tính chung trong 7 tháng đầu năm 2024, kim

ngạch nhập khẩu từ thị trường này đạt 2,88 tỷ USD, giảm 0,86% so với cùng kỳ năm trước và chiếm 10,72% tỷ trọng trên tổng nhập khẩu nhóm hàng của Việt Nam, giảm so với mức tỷ trọng 12,4% trong 7 tháng đầu năm 2023.

Cơ cấu mặt hàng nhập khẩu

Trong 7 tháng đầu năm 2024, mã HS 8517 (các thiết bị điện thoại), mã HS 8536 (Thiết bị điện để đóng ngắt mạch hay bảo vệ mạch điện) và mã HS 9018 (Thiết bị và dụng cụ dùng cho ngành y) là 03 nhóm máy móc phụ tùng được nhập khẩu nhiều nhất từ thị trường CPTPP, lần lượt chiếm 9,52%; 6,01% và 2,67% so với cùng kỳ năm trước.

Bảng 1: Một số chủng loại máy móc, thiết bị, phụ tùng khác nhập khẩu từ các nước thành viên CPTPP trong 7 tháng/2024

Nhóm	Mô tả nhóm hàng	T7/2024	7 tháng/2024	Tỷ trọng (%)	
		(Nghìn USD)	(Nghìn USD)	T7/2024	7T/2024
Tổng		436.372	2.878.217	100,00	100,00
8517	Bộ điện thoại, kể cả điện thoại cho mạng di động tế bào hoặc mạng không dây khác; thiết bị khác để truyền hoặc nhận tiếng, hình ảnh hoặc dữ liệu khác, kể cả các thiết bị viễn thông nối mạng hữu tuyến hoặc không dây	55.042	274.030	12,61	9,52
8536	Thiết bị điện để đóng ngắt mạch hay bảo vệ mạch điện, hoặc dùng để đấu nối hay lắp trong	42.705	173.031	9,79	6,01

Nhóm	Mô tả nhóm hàng	T7/2024	7 tháng/2024	Tỷ trọng (%)	
		(Nghìn USD)	(Nghìn USD)	T7/2024	7T/2024
	mạch điện				
8507	Ắc qui điện, kể cả tấm vách ngăn của nó, có hoặc không ở dạng hình chữ nhật (kể cả hình vuông)	36.311	76.883	8,32	2,67
8538	Bộ phận chuyên dùng hay chủ yếu dùng với các thiết bị thuộc nhóm 85.35, 85.36 hoặc 85.37.	20.621	91.787	4,73	3,19
8504	Biến thế điện, máy biến đổi điện tĩnh (ví dụ, bộ chỉnh lưu) và cuộn cảm	19.556	79.283	4,48	2,75
9018	Thiết bị và dụng cụ dùng cho ngành y, phẫu thuật, nha khoa hoặc thú y, kể cả thiết bị ghi biểu đồ nháy nháy, thiết bị điện y học khác và thiết bị kiểm tra thị lực.	17.596	98.322	4,03	3,42
8479	Máy và thiết bị cơ khí có chức năng riêng biệt	17.464	82.889	4,00	2,88
9030	Máy hiện sóng, máy phân tích phổ và các dụng cụ và thiết bị khác để đo hoặc kiểm tra đại lượng điện, trừ các loại máy thuộc nhóm 90.28; các thiết bị và dụng cụ đo hoặc phát hiện tia alpha, beta, gamma, tia X, bức	16.758	81.371	3,84	2,83

Nhóm	Mô tả nhóm hàng	T7/2024	7 tháng/2024	Tỷ trọng (%)	
		(Nghìn USD)	(Nghìn USD)	T7/2024	7T/2024
	xạ vũ trụ hoặc các bức xạ ion khác				
8429	Máy ủi đất lưỡi thẳng, lưỡi nghiêng, máy san đất, máy cạp đất, máy xúc ủi đất cơ khí, máy đào đất, máy chở đất có gàu tự xúc, máy đầm và xe lăn đường	16.154	69.230	3,70	2,41
8537	Bảng, panen, giá đỡ, bàn tủ và các loại hộp khác, được lắp với hai hay nhiều thiết bị thuộc nhóm 85.35 hoặc 85.36, dùng để điều khiển hoặc phân phối điện	12.701	51.551	2,91	1,79
9031	Máy, thiết bị và dụng cụ đo lường hoặc kiểm tra, chưa được ghi hay chi tiết ở nơi khác trong Chương này; máy chiếu biên dạng.	11.486	48.859	2,63	1,70
8481	Vòi, van và các thiết bị tương tự dùng cho đường ống, thân nồi hơi, bể chứa hay các loại tương tự, kể cả van giảm áp và van điều chỉnh bằng nhiệt.	10.200	42.122	2,34	1,46
8483	Trục truyền động và tay biên; gối đỡ trục dùng ổ lăn và gối đỡ trục dùng ổ	9.122	34.776	2,09	1,21

Nhóm	Mô tả nhóm hàng	T7/2024	7 tháng/2024	Tỷ trọng (%)	
		(Nghìn USD)	(Nghìn USD)	T7/2024	7T/2024
	trượt; bánh răng và cụm bánh răng; vít bi hoặc vít đũa; hộp số và các cơ cấu điều tốc khác				
8477	Máy dùng để gia công cao su hoặc plastic hay dùng trong việc sản xuất các sản phẩm từ những vật liệu trên, chưa được chi tiết hay ghi ở nơi khác trong Chương này.	7.469	25.986	1,71	0,90
8482	Ổ bi hoặc ổ đũa	7.224	26.047	1,66	0,90
8486	Máy và thiết bị chỉ sử dụng hoặc chủ yếu sử dụng để sản xuất các khối bán dẫn hoặc tấm bán dẫn mỏng, linh kiện bán dẫn, mạch điện tử tích hợp hoặc màn hình phẳng	6.986	24.901	1,60	0,87
9027	Dụng cụ và thiết bị phân tích lý hoặc hóa học; dụng cụ và thiết bị đo hoặc kiểm tra độ nhớt, độ xốp, độ giãn nở, sức căng bề mặt hoặc các loại tương tự; dụng cụ và thiết bị đo hoặc kiểm tra nhiệt lượng, âm lượng	6.673	28.071	1,53	0,98

Nguồn: Tính toán từ số liệu của TCHQ

Cơ cấu thị trường nhập khẩu

Trong tháng 7/2024, nhập khẩu máy móc phụ tùng từ hầu hết các thị trường thành viên CPTPP đều tăng so với tháng trước. Trong đó, Singapore ghi nhận mức tăng trưởng cao nhất với gần 85%, đạt 23,4 triệu USD. Nhập khẩu từ Nhật Bản trong tháng 7/2024 đạt 308,1 triệu USD, tăng 3,2% so với tháng trước và giảm 9,6% so với tháng 7/2023.

Tính chung trong 7 tháng đầu năm 2024, Nhật Bản, Malaysia và Singapore là ba nguồn cung máy móc thiết bị phụ tùng lớn nhất của Việt Nam trong khối CPTPP với kim ngạch nhập khẩu từ Nhật Bản giảm 4,41%; từ Singapore giảm 10,9% và từ Malaysia tăng 15,49%. Tính riêng 3 thị trường này chiếm 94,3% tỷ trọng trên tổng nhập khẩu máy móc phụ tùng từ thị trường CPTPP.

Bảng 2: Nhập khẩu mặt hàng máy móc, thiết bị, dụng cụ phụ tùng khác của Việt Nam từ thị trường thành viên CPTPP trong 7 tháng đầu năm 2024

Thị trường	Tháng 7/2024	So với tháng 6/2024	So với tháng 7/2023	7 tháng/2024	So 7T/2023	Tỷ trọng 7T/2024
	(Nghìn USD)	(%)	(%)	(Nghìn USD)	(%)	(%)
FTA CPTPP	436.372	13,41	-0,46	2.878.217	-0,86	100
Nhật Bản	308.066	3,22	-9,61	2.213.353	-4,41	76,90
Malaysia	84.999	72,85	45,99	382.497	15,49	13,29
Singapore	23.416	84,95	19,74	118.276	-10,9	4,11
Mexico	15.447	-1,63	7,76	110.935	32,52	3,85
Canada	2.406	-56,31	-36,84	34.407	55,53	1,20
Australia	1.625	-36,37	23,88	15.606	-0,21	0,54

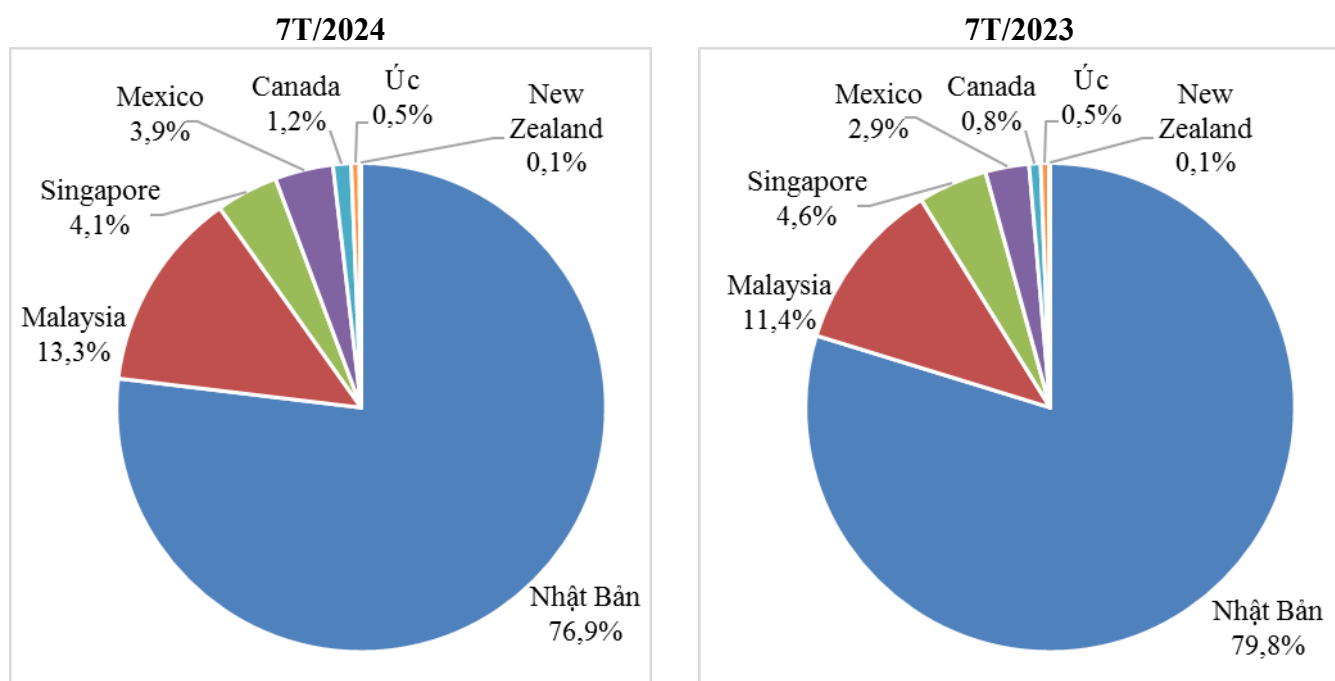
Thị trường	Tháng 7/2024	So với tháng 6/2024	So với tháng 7/2023	7 tháng/2024	So 7T/2023	Tỷ trọng 7T/2024
	(Nghìn USD)	(%)	(%)	(Nghìn USD)	(%)	(%)
New Zealand	414	-41,67	16,81	3.142	35,49	0,11

Nguồn: Tính toán từ số liệu của TCHQ

Về tỷ trọng nhập khẩu, trong 7 tháng qua, tỷ trọng nhập khẩu máy móc thiết bị từ thị trường Nhật Bản và Singapore trên tổng kim ngạch nhập khẩu mặt hàng từ thị trường CPTPP thu hẹp so với cùng kỳ năm trước, lần lượt giảm từ 79,8% và 4,6% xuống còn 76,9% và 4,1%; trong khi tỷ trọng nhập khẩu từ các thị trường thành viên CPTPP khác đều tăng khá.

Biểu đồ 2: Tỷ trọng nhập khẩu máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác của Việt Nam từ các thị trường thành viên CPTPP trong 7 tháng đầu năm 2024

(ĐVT: % tính theo trị giá)



Nguồn: Tính toán từ số liệu của TCHQ

Tình hình xuất khẩu máy móc thiết bị của các nước thành viên CPTPP tăng trong những tháng đầu năm 2024

Theo Trademap, xuất khẩu máy móc thiết bị (mã HS 84) của nhiều thị trường thành viên CPTPP trong tháng 6/2024 tăng khá so với tháng trước. Trong đó kim ngạch xuất khẩu của Nhật Bản đạt 10,42 tỷ USD, tăng 11,5% so với tháng trước và giảm 7,04% so với tháng 7/2023. Trong khi đó, xuất khẩu máy móc phụ tùng của Singapore sụt giảm 2,16% xuống gần 7 tỷ USD sau những tháng đầu năm tăng trưởng liên tiếp.

Tính chung trong 7 tháng đầu năm 2024, kim ngạch xuất khẩu máy móc thiết bị mã HS 84 của Nhật Bản, New Zealand và Canada giảm so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, Nhật Bản là thị trường xuất khẩu máy móc thiết bị lớn nhất trong khối các nước thành viên CPTPP với kim ngạch xuất khẩu trong 7 tháng năm 2024 đạt 60,89 tỷ USD, giảm 6,92% so với cùng kỳ năm 2023.

Bảng 3: Xuất khẩu máy móc thiết bị (HS 84) của các thị trường thành viên CPTPP trong 6 tháng năm 2024

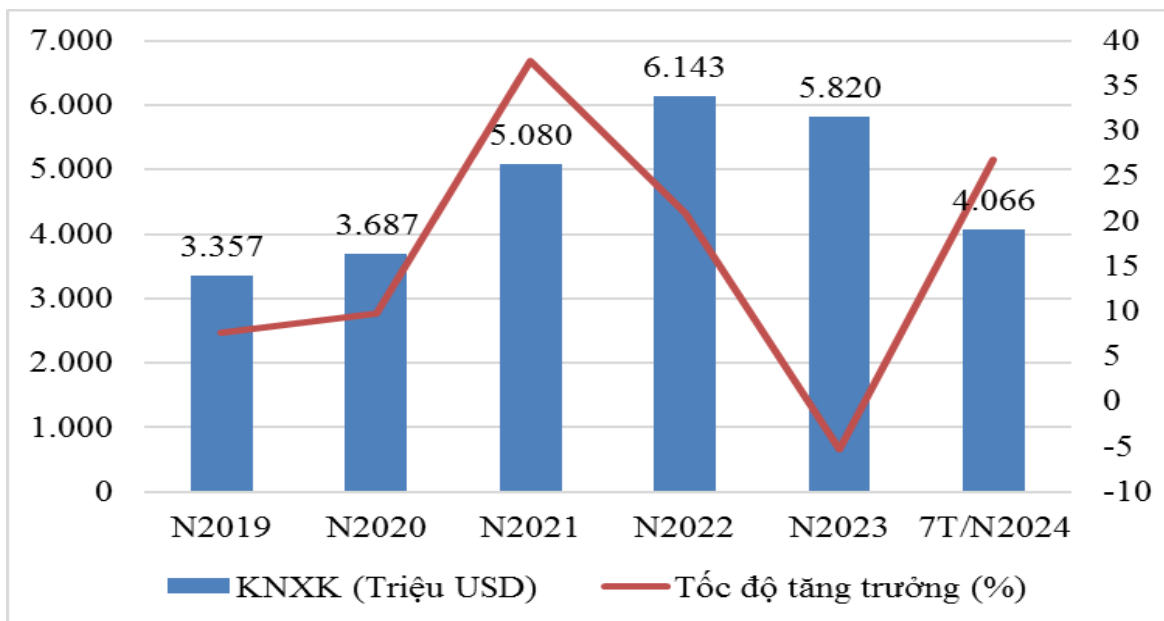
Thị trường	Tháng 6/2024	So T5/2024	So T6/2023	6 tháng/2024	So 6T/2023
	(Nghìn USD)	(%)	(%)	(Nghìn USD)	(%)
Nhật Bản	10.423.704	11,50	-7,04	60.893.054	-6,92
Singapore	6.991.822	-2,16	18,73	43.812.887	24,91
Canada	3.504.164	1,47	-6,35	20.553.430	-4,14
Malaysia	2.799.321	10,97	42,59	14.625.510	20,77
Úc	467.413	2,30	-3,83	2.682.180	3,75
Chile	195.083	85,15	93,83	878.958	7,58
New Zealand	95.919	3,23	-1,70	530.119	-3,68
Brunei				41.426	92,94

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Trademap

Tình hình xuất khẩu mặt hàng máy móc phụ tùng của Việt Nam sang khối thị trường CPTPP trong tháng

Theo số liệu của Tổng cục Hải quan, trong tháng 7/2024, hoạt động xuất khẩu máy móc thiết bị, dụng cụ, phụ tùng của Việt Nam tiếp tục ghi nhận tốc độ tăng trưởng khả quan, với kim ngạch đạt 4,8 tỷ USD, tăng 13,25% so với tháng 6/2024 và tăng 12,05% so với tháng 7/2023; chiếm tỷ trọng 12,9% tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của cả nước. Tính chung 7 tháng đầu năm 2024, tổng kim ngạch xuất khẩu máy móc thiết bị của cả nước đạt gần 28 tỷ USD, tăng 20,47% so với cùng kỳ năm 2023; chiếm tỷ trọng 12,31% tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của cả nước, cao hơn so với mức tỷ trọng chiếm 11,8% cùng kỳ năm trước.

Biểu đồ 3: Kim ngạch xuất khẩu máy móc, thiết bị, dụng cụ phụ tùng khác của Việt Nam sang thị trường CPTPP trong giai đoạn 2019-2024 (ĐVT: triệu USD)



Nguồn: Tính toán từ số liệu của TCHQ

Trong khi đó, trong tháng 7/2024, xuất khẩu máy móc thiết bị phụ tùng sang các thị trường CPTPP ghi nhận tốc độ tăng trưởng tích cực, đạt 631,75 triệu USD,

tăng 7,33% so với tháng trước và tăng 34,8% so với tháng 7/2023. Tính chung trong 7 tháng đầu năm 2024, kim ngạch xuất khẩu sang khối thị trường này đạt 4,06 tỷ USD, tăng 26,8% so với cùng kỳ năm trước và chiếm 14,5% tỷ trọng trên tổng xuất khẩu nhóm hàng của Việt Nam, cao hơn so với mức tỷ trọng 12% trong 7 tháng đầu năm 2023.

Cơ cấu thị trường xuất khẩu

Trong 7 tháng đầu năm 2024, kim ngạch xuất khẩu máy móc phụ tùng sang Úc và Canada đều ghi nhận mức tăng trưởng mạnh lần lượt 161,38% và 121,5% so với cùng kỳ năm trước xuống 696 triệu USD và 509 triệu USD. Trong khi đó, kim ngạch xuất khẩu sang Nhật Bản giảm 1,86% xuống 1,51 tỷ USD. Tính riêng nhóm 3 thị trường này chiếm 66,8% tỷ trọng trên tổng kim ngạch xuất khẩu máy móc phụ tùng sang thị trường CPTPP.

Bảng 4: Xuất khẩu mặt hàng máy móc, thiết bị, dụng cụ phụ tùng khác của Việt Nam sang thị trường thành viên CPTPP trong 7 tháng đầu năm 2024

Thị trường	Tháng 7/2024	So với tháng 6/2024	So với tháng 7/2023	7 tháng/2024	So 7T/2023	Tỷ trọng 7T/2024
	(Nghìn USD)	(%)	(%)	(Nghìn USD)	(%)	(%)
FTA CPTPP	631.748	7,33	34,76	4.065.851	26,81	100,00
Nhật Bản	223.612	7,5	5,13	1.511.863	-1,86	37,18
Úc	140.706	-5,68	211,22	696.087	161,38	17,12
Canada	83.065	35,33	112,63	509.223	121,49	12,52
Singapore	67.430	-13,84	3,87	489.693	5,47	12,04
Mexico	72.104	36,05	10,42	455.167	9,03	11,19
Malaysia	36.989	20,65	18,42	238.982	7,55	5,88

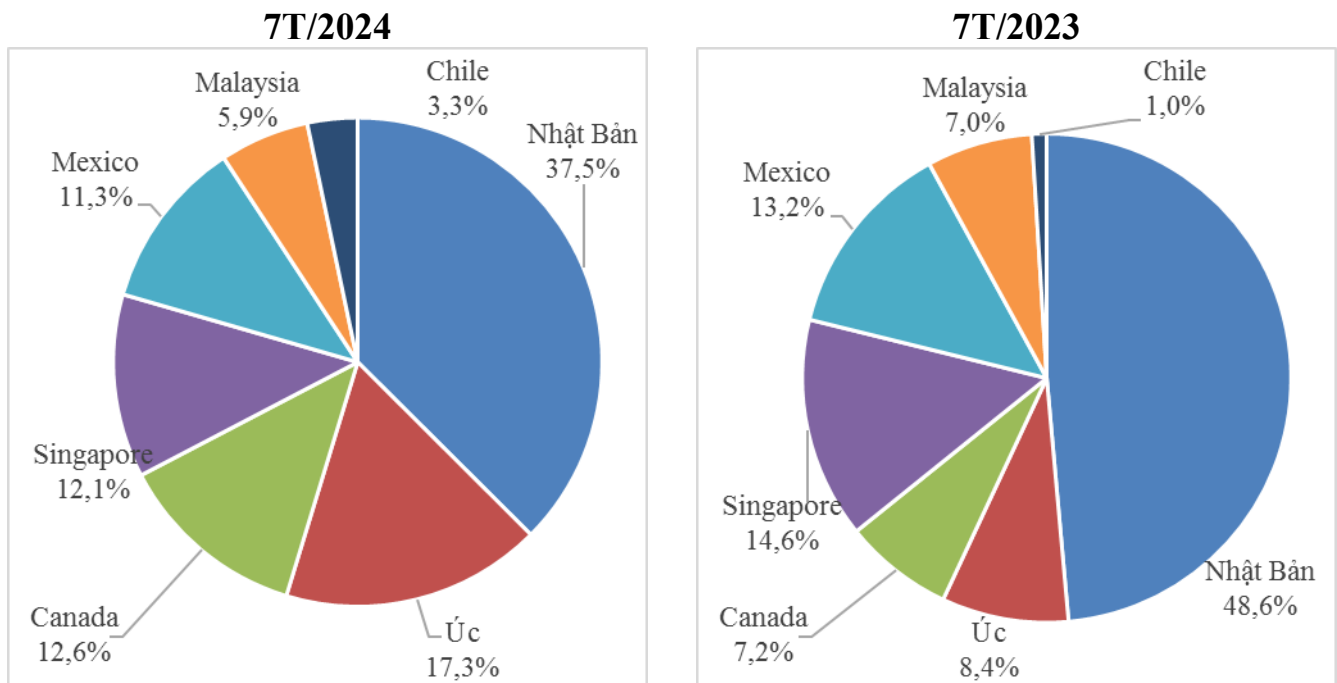
Chile	2.105	-42,65	-44,16	133.879	332,23	3,29
New Zealand	5.646	26,96	-13,9	30.019	-12,69	0,74
Brunây	91		199,71	939	228,21	0,02

Nguồn: Tính toán từ số liệu của TCHQ

Trong 7 tháng qua, xuất khẩu máy móc thiết bị sang thị trường Nhật Bản và New Zealand giảm so với cùng kỳ năm trước; còn lại xuất khẩu sang các thị trường thành viên CPTPP khác đều tăng khá (trong đó xuất khẩu sang Chile, Brunei, Úc và Canada đều tăng mạnh trên 100%). Về tỷ trọng xuất khẩu máy móc thiết bị, có 3 thị trường thành viên CPTPP tăng tỷ trọng so với cùng kỳ là: Úc tăng lên 17,3%, Chile tăng lên 3,3% và Canada tăng lên 12,6%.

Biểu đồ 4: Tỷ trọng xuất khẩu máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác của Việt Nam từ các thị trường thành viên CPTPP trong 7 tháng đầu năm 2024

(ĐVT: % tính theo trị giá)



Nguồn: Tính toán từ số liệu của TCHQ

Nhu cầu nhập khẩu máy móc thiết bị của các nước thành viên CPTPP

Theo Trademap, nhu cầu nhập khẩu máy móc thiết bị (mã HS 84) của các nước thành viên CPTPP trong những tháng đầu năm nhìn chung trái chiều. Riêng trong 6 tháng đầu năm 2024, kim ngạch nhập khẩu máy móc thiết bị (mã HS 84) của Canada, Nhật Bản, Chile và New Zealand giảm so với cùng kỳ năm trước, trong khi nhập khẩu của Singapore và Malaysia tăng mạnh lần lượt 24,6% và 46,4% lên 39 tỷ USD và 17,1 tỷ USD.

Bảng 5: Nhập khẩu máy móc thiết bị (HS 84) của các thị trường thành viên CPTPP trong 6 tháng năm 2024

Thị trường	Tháng 6/2024	So T5/2024	So T6/2023	6 tháng/2024	So 6T/2023
	(Nghìn USD)	(%)	(%)	(Nghìn USD)	(%)
Canada	7.090.893	-4,09	-7,78	42.432.383	-2,18
Nhật Bản	6.356.978	4,21	6,95	35.345.208	-0,33
Úc	3.386.497	-8,58	4,75	20.149.213	4,86
Chile	794.133	-3,72	-0,47	4.780.309	-3,01
Malaysia	3.020.808	-2,14	54,25	17.067.314	46,39
New Zealand	532.303	-10,33	-2,22	3.004.921	-10,30
Brunei				113.048	-35,89
Singapore	6.493.923	-6,07	21,19	38.994.857	24,60

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Trademap

Đánh giá triển vọng và dự báo

Trong bối cảnh hoạt động sản xuất trong nước tiếp tục hồi phục cộng với tình hình thu hút vốn FDI khả quan, dự báo nhập khẩu máy móc thiết bị trong những tháng tới tiếp tục ghi nhận tốc độ tăng trưởng tích cực. Theo đó, Tiếp nối đà

phục hồi từ cuối năm 2023 cho đến nay, sản xuất công nghiệp tiếp tục cho thấy xu hướng tích cực, tiếp đà đi lên cho thấy Việt Nam đang bắt đầu một giai đoạn tăng trưởng tốt. Chỉ số nhà quản trị mua hàng (PMI) ngành sản xuất của Việt Nam trong tháng 7/2024 đạt 54,7 điểm, là mức cao nhất kể từ tháng 11/2018 đến nay. Do vậy, sản xuất công nghiệp duy trì đà tăng trưởng tích cực, ước tính chỉ số sản xuất công nghiệp trong tháng 7/2024 tăng 0,7% so với tháng trước và tăng tới 11,2% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, so với cùng kỳ năm trước, ngành chế biến, chế tạo tăng 13,3%.

Tính chung 7 tháng năm 2024, IIP ước tính tăng 8,5% so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ năm 2023 giảm 0,8%). Trong đó, ngành chế biến, chế tạo tăng 9,5% (cùng kỳ năm 2023 giảm 1,2%)